TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 11 – 2018

V/v ly hôn giữa chị Tr và anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự::

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr – Sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 471, ấp 1, xã Hưng Th, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn V – Sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Phú H, thị trấn Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị và anh Hồ Văn V tìm hiểu về tình cảm, năm 2012 đồng ý tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ V, huyện Phú T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2012 ngày 01/3//2012. Vợ chồng sống bình thường, năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn phù hợp nhau, từ năm 2016 đến nay vợ chồng ly thân, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn. Nay chị không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh

V. Ngày 26/9/2018 chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 14/11/2018 bị đơn là anh Hồ Văn V trình bày như trình bày trên của chị Tr về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, nhưng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, từ năm 2016 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị Tr xin ly hôn anh đồng ý. Ngày 14/11/2018 anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Trọng H, sinh ngày 09/10/2014, chị Tr đang nuôi và chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Anh V đồng ý giao con cho chị Tr trực tiếp nuôi, anh không cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn V Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Tr và anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh V.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị Tr và anh V là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân từ năm 2016 đến nay, do hai bên bất đồng về quan điểm sống, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không hàn gắn, chị Tr xin ly hôn và anh V đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của chị Tr và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được ly hôn với anh V.

[5] Về nuôi con chung: Chị Tr đang trực tiếp nuôi con tên Hồ Nguyễn Trọng H và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, anh V đồng ý giao cháu H cho chị Tr nuôi. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr được trực tiếp nuôi cháu H. Chị Tr không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng.

[6] Căn cứ Khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh V được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, nên không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Hồ Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Hồ Nguyễn Trọng H, sinh ngày 09/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị Trâm đang nuôi. Anh Hồ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Hồ Văn V không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0016919 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND thị trấn Chợ Vàm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**